

Số: 198/PĐV-CBTT  
V/v Công bố thông tin BCTC giữa niên độ đã  
được soát xét

Tp.HCM, ngày 19 tháng 08 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội,
- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics);
- Mã chứng khoán: PDV
- Trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa káo, Quận 1, Tp.HCM;
- Điện thoại: (028) 62911 281; Fax: (028) 62911 280; Email: [info@pvtlogistics.vn](mailto:info@pvtlogistics.vn);
- Người công bố: ông Hồ Sĩ Thuận – TV HĐQT Công ty/Giám đốc Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần 17 ngày 20/04/2022 (lần đầu ngày 20/04/2007);
- Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PVT Logistics xin trân trọng công bố thông tin **Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét** cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt theo file đính kèm.

- Thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của CTCP Vận tải và tiếp vận Phương Đông Việt tại website: <http://pvtlogistics.vn/>

PVT Logistics cam kết các thông tin công bố là đúng với sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Website;
- Lưu: VT, HĐQT (1b).

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
GIÁM ĐỐC



Hồ Sĩ Thuận



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

**(Trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt)**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**MAKING AN  
IMPACT THAT  
MATTERS**

*since 1845*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 26

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Vũ Trọng Đệ	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2022



## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2022, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ về việc trình bày lại số liệu so sánh do ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty trong năm 2021. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Nguyễn Thị Thu Sang  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 8 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>268.947.042.802</b>	<b>278.538.465.673</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>134.871.236.682</b>	<b>57.030.137.506</b>
1. Tiền	111		24.871.236.682	7.030.137.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	50.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>50.247.945.205</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	20.000.000.000	50.247.945.205
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.536.885.494</b>	<b>140.841.060.874</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	45.881.807.453	109.845.867.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.748.729.399	3.985.753.204
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	32.115.905.621	36.368.386.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(14.209.556.979)	(9.358.946.112)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>12.169.881.219</b>	<b>12.154.151.509</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.169.881.219	12.154.151.509
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.369.039.407</b>	<b>18.265.170.579</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	6.588.308.970	3.140.539.807
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.606.461.321	15.114.864.617
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	174.269.116	9.766.155
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>531.383.846.472</b>	<b>596.947.818.766</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>455.500.333.522</b>	<b>546.469.277.988</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	455.500.333.522	546.469.277.988
- Nguyên giá	222		586.255.313.694	849.197.316.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.754.980.172)	(302.728.038.589)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		218.000.000	218.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.000.000)	(218.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>75.879.512.950</b>	<b>50.474.540.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	74.927.827.518	43.516.913.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	951.685.432	6.957.626.923
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>800.330.889.274</b>	<b>875.486.284.439</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>432.722.815.854</b>	<b>531.325.324.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.652.157.882</b>	<b>262.313.446.157</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	53.747.331.761	140.908.710.075
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.717.626.690	6.986.028.390
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	404.907.233	3.383.102.475
4. Phải trả người lao động	314		28.840.844.632	14.689.399.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.774.155.847	8.786.083.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.557.333.012	12.968.294.893
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	59.595.909.642	74.590.922.996
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.014.049.065	904.728
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>250.070.657.972</b>	<b>269.011.877.919</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	250.070.657.972	269.011.877.919
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>367.608.073.420</b>	<b>344.160.960.363</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>367.608.073.420</b>	<b>344.160.960.363</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.099.860.000	311.099.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		251.099.860.000	251.099.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		104.545.455	104.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.150.494.993	8.206.500.656
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.253.172.972	24.750.054.252
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		20.362.065.578	450.125.038
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		25.891.107.394	24.299.929.214
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>800.330.889.274</b>	<b>875.486.284.439</b>



Tăng Kim Thụy Vi  
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo  
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
 Giám đốc  
 Ngày 17 tháng 8 năm 2022



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		420.212.174.988	375.516.164.846
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	420.212.174.988	375.516.164.846
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	364.174.325.891	355.224.816.670
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56.037.849.097	20.291.348.176
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5.527.291.895	5.131.522.796
6. Chi phí tài chính	22	28	12.689.828.260	9.253.678.062
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.417.263.956	7.263.152.847
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	29.550.750.893	17.253.975.551
8. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		19.324.561.839	(1.084.782.641)
9. Thu nhập khác	31	30	13.055.821.325	851.082.794
10. Chi phí khác	32		272	10.006.026
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.055.821.053	841.076.768
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.380.382.892	(243.705.873)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	483.334.007	2.505.477.743
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	6.005.941.491	(2.551.045.332)
15. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.891.107.394	(198.138.284)
16. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.031	(18)

Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo  
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước (Trình bày lại)</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>32.380.382.892</b>	<b>(243.705.873)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.971.040.665	46.283.707.594
Các khoản dự phòng	03	4.850.610.867	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.678.514.467	3.012.094.469
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.920.775.954)	(737.712.329)
Chi phí lãi vay	06	7.417.263.956	7.263.152.847
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>67.377.036.893</b>	<b>55.577.536.708</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	55.576.771.407	(11.743.069.091)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.729.710)	1.323.719.801
Thay đổi các khoản phải trả	11	(70.918.281.093)	24.698.593.844
Thay đổi chi phí trả trước	12	(34.858.682.826)	(32.463.849.149)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.410.145.524)	(7.684.915.568)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.879.742.286)	(3.418.142.135)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(430.850.000)	(472.903.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.440.376.861</b>	<b>25.816.971.062</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	-	(20.374.744.529)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	78.863.347.816	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.247.945.205	19.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.041.098.905	1.124.534.247
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>111.152.391.926</b>	<b>(10.250.210.282)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.761.184.583	2.927.125.685
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.517.169.557)	(35.271.810.923)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(38.755.984.974)</b>	<b>(32.344.685.238)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>77.836.783.813</b>	<b>(16.777.924.458)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>57.030.137.506</b>	<b>46.875.315.602</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.315.363	(41.654.395)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>134.871.236.682</b>	<b>30.055.736.749</b>



Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo  
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 309 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 275 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh cho bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét và trình bày lại như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

Trong kỳ, Ban Giám đốc của Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, để điều chỉnh lại chi phí khấu hao do thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Phương Đông Star từ 18 năm xuống 16 năm trong năm 2021 áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Việc thay đổi này được thực hiện trong tháng 10 năm 2021, sau khi Công ty đã công bố báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Số trình bày lại</u>
		VND	VND	VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	348.574.143.878	6.650.672.792	355.224.816.670
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26.942.020.968	(6.650.672.792)	20.291.348.176
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.565.890.151	(6.650.672.792)	(1.084.782.641)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	50	6.406.966.919	(6.650.672.792)	(243.705.873)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(1.220.910.774)	(1.330.134.558)	(2.551.045.332)
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.122.399.950	(5.320.538.234)	(198.138.284)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</b>				
Lỗ trước thuế	01	6.406.966.919	(6.650.672.792)	(243.705.873)
Khấu hao tài sản cố định	02	39.633.034.802	6.650.672.792	46.283.707.594

Thay đổi của chỉ tiêu "Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu" được trình bày tại Thuyết minh số 32.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.





### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 16
Thiết bị văn phòng	03 - 05

### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100  
101  
102  
103  
104  
105  
106  
107  
108  
109  
110  
111  
112  
113  
114  
115  
116  
117  
118  
119  
120  
121  
122  
123  
124  
125  
126  
127  
128  
129  
130  
131  
132  
133  
134  
135  
136  
137  
138  
139  
140  
141  
142  
143  
144  
145  
146  
147  
148  
149  
150  
151  
152  
153  
154  
155  
156  
157  
158  
159  
160  
161  
162  
163  
164  
165  
166  
167  
168  
169  
170  
171  
172  
173  
174  
175  
176  
177  
178  
179  
180  
181  
182  
183  
184  
185  
186  
187  
188  
189  
190  
191  
192  
193  
194  
195  
196  
197  
198  
199  
200  
201  
202  
203  
204  
205  
206  
207  
208  
209  
210  
211  
212  
213  
214  
215  
216  
217  
218  
219  
220  
221  
222  
223  
224  
225  
226  
227  
228  
229  
230  
231  
232  
233  
234  
235  
236  
237  
238  
239  
240  
241  
242  
243  
244  
245  
246  
247  
248  
249  
250  
251  
252  
253  
254  
255  
256  
257  
258  
259  
260  
261  
262  
263  
264  
265  
266  
267  
268  
269  
270  
271  
272  
273  
274  
275  
276  
277  
278  
279  
280  
281  
282  
283  
284  
285  
286  
287  
288  
289  
290  
291  
292  
293  
294  
295  
296  
297  
298  
299  
300  
301  
302  
303  
304  
305  
306  
307  
308  
309  
310  
311  
312  
313  
314  
315  
316  
317  
318  
319  
320  
321  
322  
323  
324  
325  
326  
327  
328  
329  
330  
331  
332  
333  
334  
335  
336  
337  
338  
339  
340  
341  
342  
343  
344  
345  
346  
347  
348  
349  
350  
351  
352  
353  
354  
355  
356  
357  
358  
359  
360  
361  
362  
363  
364  
365  
366  
367  
368  
369  
370  
371  
372  
373  
374  
375  
376  
377  
378  
379  
380  
381  
382  
383  
384  
385  
386  
387  
388  
389  
390  
391  
392  
393  
394  
395  
396  
397  
398  
399  
400  
401  
402  
403  
404  
405  
406  
407  
408  
409  
410  
411  
412  
413  
414  
415  
416  
417  
418  
419  
420  
421  
422  
423  
424  
425  
426  
427  
428  
429  
430  
431  
432  
433  
434  
435  
436  
437  
438  
439  
440  
441  
442  
443  
444  
445  
446  
447  
448  
449  
450  
451  
452  
453  
454  
455  
456  
457  
458  
459  
460  
461  
462  
463  
464  
465  
466  
467  
468  
469  
470  
471  
472  
473  
474  
475  
476  
477  
478  
479  
480  
481  
482  
483  
484  
485  
486  
487  
488  
489  
490  
491  
492  
493  
494  
495  
496  
497  
498  
499  
500  
501  
502  
503  
504  
505  
506  
507  
508  
509  
510  
511  
512  
513  
514  
515  
516  
517  
518  
519  
520  
521  
522  
523  
524  
525  
526  
527  
528  
529  
530  
531  
532  
533  
534  
535  
536  
537  
538  
539  
540  
541  
542  
543  
544  
545  
546  
547  
548  
549  
550  
551  
552  
553  
554  
555  
556  
557  
558  
559  
560  
561  
562  
563  
564  
565  
566  
567  
568  
569  
570  
571  
572  
573  
574  
575  
576  
577  
578  
579  
580  
581  
582  
583  
584  
585  
586  
587  
588  
589  
590  
591  
592  
593  
594  
595  
596  
597  
598  
599  
600  
601  
602  
603  
604  
605  
606  
607  
608  
609  
610  
611  
612  
613  
614  
615  
616  
617  
618  
619  
620  
621  
622  
623  
624  
625  
626  
627  
628  
629  
630  
631  
632  
633  
634  
635  
636  
637  
638  
639  
640  
641  
642  
643  
644  
645  
646  
647  
648  
649  
650  
651  
652  
653  
654  
655  
656  
657  
658  
659  
660  
661  
662  
663  
664  
665  
666  
667  
668  
669  
670  
671  
672  
673  
674  
675  
676  
677  
678  
679  
680  
681  
682  
683  
684  
685  
686  
687  
688  
689  
690  
691  
692  
693  
694  
695  
696  
697  
698  
699  
700  
701  
702  
703  
704  
705  
706  
707  
708  
709  
710  
711  
712  
713  
714  
715  
716  
717  
718  
719  
720  
721  
722  
723  
724  
725  
726  
727  
728  
729  
730  
731  
732  
733  
734  
735  
736  
737  
738  
739  
740  
741  
742  
743  
744  
745  
746  
747  
748  
749  
750  
751  
752  
753  
754  
755  
756  
757  
758  
759  
760  
761  
762  
763  
764  
765  
766  
767  
768  
769  
770  
771  
772  
773  
774  
775  
776  
777  
778  
779  
780  
781  
782  
783  
784  
785  
786  
787  
788  
789  
790  
791  
792  
793  
794  
795  
796  
797  
798  
799  
800  
801  
802  
803  
804  
805  
806  
807  
808  
809  
810  
811  
812  
813  
814  
815  
816  
817  
818  
819  
820  
821  
822  
823  
824  
825  
826  
827  
828  
829  
830  
831  
832  
833  
834  
835  
836  
837  
838  
839  
840  
841  
842  
843  
844  
845  
846  
847  
848  
849  
850  
851  
852  
853  
854  
855  
856  
857  
858  
859  
860  
861  
862  
863  
864  
865  
866  
867  
868  
869  
870  
871  
872  
873  
874  
875  
876  
877  
878  
879  
880  
881  
882  
883  
884  
885  
886  
887  
888  
889  
890  
891  
892  
893  
894  
895  
896  
897  
898  
899  
900  
901  
902  
903  
904  
905  
906  
907  
908  
909  
910  
911  
912  
913  
914  
915  
916  
917  
918  
919  
920  
921  
922  
923  
924  
925  
926  
927  
928  
929  
930  
931  
932  
933  
934  
935  
936  
937  
938  
939  
940  
941  
942  
943  
944  
945  
946  
947  
948  
949  
950  
951  
952  
953  
954  
955  
956  
957  
958  
959  
960  
961  
962  
963  
964  
965  
966  
967  
968  
969  
970  
971  
972  
973  
974  
975  
976  
977  
978  
979  
980  
981  
982  
983  
984  
985  
986  
987  
988  
989  
990  
991  
992  
993  
994  
995  
996  
997  
998  
999  
1000



Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	664.942.758	339.529.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.206.293.924	6.690.608.077
Các khoản tương đương tiền	110.000.000.000	50.000.000.000
	<b>134.871.236.682</b>	<b>57.030.137.506</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng với lãi suất được hưởng từ 3%/năm đến 4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến hai tháng với lãi suất được hưởng từ 3,4% đến 3,85%/năm).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng với lãi suất được hưởng từ 3,8%/năm đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng với lãi suất được hưởng là từ 5% đến 5,4%/năm).

Trong đó bao gồm khoản tiền gửi với số tiền là 10.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 13.2022/HĐTG-TSG.DVKH ký ngày 7 tháng 02 năm 2021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương – Chi nhánh Tây Sài Gòn được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào của Công ty Cổ phần Vận Tải và Tiếp vận Phương Đông Việt phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa Công ty với ngân hàng kể cả nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các loại phí, lệ phí của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 017/21/02/0199/HĐHM ký ngày 12 tháng 7 năm 2021.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Prudensol Inc.	5.832.340.268	5.832.340.268
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh	8.266.046.139	-
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	-	77.132.037.686
Marida Tankers INC	20.575.220.984	12.767.420.027
Các đối tượng khác	3.120.449.087	11.039.036.845
<b>b. Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	6.458.243.862	2.172.044.287
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.629.507.113	902.988.500
	<b>45.881.807.453</b>	<b>109.845.867.613</b>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Peiner Smag Lifting Technologies GmbH	574.536.031	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	470.085.809
Inchcape Shipping Services & Co.LLC	867.292.515	-
Helintec Marine Limited	131.691.010	146.004.815
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hàng hải Thảo Linh	-	492.861.600
Các đối tượng khác	1.685.491.234	576.793.480
<b>b. Bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.019.632.800	2.300.007.500
	<b>8.748.729.399</b>	<b>3.985.753.204</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Tạm ứng cho nhân viên	2.843.595.241	2.292.172.122
- Ký cược, ký quỹ (*)	17.945.313.000	11.010.813.000
- Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha - đặt cọc giải phóng tàu Jupiter và tàu Venus (**)	9.516.854.318	9.313.230.247
- Thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	11.299.027.919
- Phải thu khác từ bên thứ ba	1.752.608.816	2.453.142.881
- Phải thu khác từ bên liên quan: + Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	57.534.246	-
	<b><u>32.115.905.621</u></b>	<b><u>36.368.386.169</u></b>

(\*) Đây là khoản nhận tiền đặt cọc khi cho khách hàng thuê tàu PVT Neptune, PVT Venus và PVT Flora tham gia thị trường Word Pool theo hợp đồng Pool Agreement ngày 01 tháng 11 năm 2021, ngày 05 tháng 5 năm 2021 và ngày 22 tháng 02 năm 2022 với tổng giá trị nhận cọc là 753.000 Đô la Mỹ tương đương với 17.334.420.000 đồng trong 12 tháng. Và tiền đặt cọc thuê văn phòng theo hợp đồng số 1157/HĐ-QLVP-PL13 ngày 04 tháng 5 năm 2021 với giá trị là 589.893.000 đồng.

(\*\*) Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ bởi tòa Monjasa tại Kolkata và tòa Bunkernet tại Hylinda của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Singapore) PTE.Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện và đã lập dự phòng 50% cho khoản tiền này.

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

Đối tượng Nợ	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Gia Hải	240.110.231	-	240.110.231	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	-	470.085.809	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	256.220.424	-	256.220.424	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	182.306.943	-	182.306.943	-
Thuyền trưởng tàu Phương Đông Star	570.742.850	-	570.742.850	-
Victory Tankers Limited	1.303.083.233	-	1.303.083.233	-
Stella Tankers (Singapore) Pte Ltd	404.828.608	-	404.828.608	-
JVL Overseas Pte Ltd	70.487.100	-	70.487.100	-
Prudensol Inc.	5.861.080.914	-	5.861.080.914	-
Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha	4.758.427.160	-	-	-
Helintec Marine Limited	92.183.707	-	-	-
	<b><u>14.209.556.979</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.358.946.112</u></b>	<b><u>-</u></b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, đơn vị không trích lập dự phòng hàng tồn kho.



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	848.443.924.000	753.392.577	849.197.316.577
Thanh lý, nhượng bán	(262.942.002.883)	-	(262.942.002.883)
Số cuối kỳ	<u>585.501.921.117</u>	<u>753.392.577</u>	<u>586.255.313.694</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	302.135.932.682	592.105.907	302.728.038.589
Khấu hao trong kỳ	31.933.820.667	37.219.998	31.971.040.665
Thanh lý, nhượng bán	(203.944.099.082)	-	(203.944.099.082)
Số dư cuối kỳ	<u>130.125.654.267</u>	<u>629.325.905</u>	<u>130.754.980.172</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	<u>546.307.991.318</u>	<u>161.286.670</u>	<u>546.469.277.988</u>
Số dư cuối kỳ	<u>455.376.266.850</u>	<u>124.066.672</u>	<u>455.500.333.522</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 lần lượt là 581.174.344.892 đồng và 451.518.149.289 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 843.250.090.939 đồng và 542.240.474.914 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 381.192.577 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.212.713.050 đồng).

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua chủ trương và phê duyệt kế hoạch bán tàu Phương Đông Star. Trong tháng 3 năm 2022, Công ty đã ký kết hợp đồng bán và bàn giao tàu Phương Đông Star cho Công ty Techno East Goods Wholesalers LLC với tổng số tiền là 3.250.000 Đô la Mỹ (tương đương 73,88 tỷ đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	4.470.081.783	2.446.984.783
Chi phí vật tư	1.011.568.335	-
Chi phí thuê tàu	995.107.172	-
Các khoản khác	111.551.680	693.555.024
	<u>6.588.308.970</u>	<u>3.140.539.807</u>
<b>b. Dài hạn</b>		
<b>Chi phí thuê tàu</b>		
Chi phí thuê tàu Flora	32.895.321.771	-
Chi phí thuê tàu Diamond	19.185.690.532	20.819.859.937
<b>Chi phí sửa chữa lớn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	8.611.846.894	2.520.463.110
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn	7.994.950.836	10.299.224.817
Chi phí sửa chữa máy đèn tàu PVT Synergy	5.867.557.798	7.930.371.087
Chi phí sửa chữa văn phòng	57.664.325	403.650.276
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	-	1.423.969.911
Các khoản khác	314.795.362	119.374.717
	<u>74.927.827.518</u>	<u>43.516.913.855</u>



14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	951.685.432	6.957.626.923
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>951.685.432</b>	<b>6.957.626.923</b>

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ như sau:

	Khấu hao tài sản cố định	Dự phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	6.957.626.923	-	6.957.626.923
Tăng/(giảm) trong kỳ	(6.957.626.923)	951.685.432	(6.005.941.491)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>951.685.432</b>	<b>951.685.432</b>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Bên thứ ba</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư AMN	8.702.142.165	8.702.142.165	-	-
Công ty TNHH Gas Venus	-	-	77.105.790.850	77.105.790.850
Công ty TNHH HD Shipping	4.176.000.000	4.176.000.000	5.296.500.000	5.296.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	35.223.732.339	35.223.732.339	52.708.784.318	52.708.784.318
<b>b. Bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.603.553.257	5.603.553.257	5.765.734.907	5.765.734.907
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. Hồ Chí Minh	39.528.000	39.528.000	31.900.000	31.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.376.000	2.376.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.747.331.761</b>	<b>53.747.331.761</b>	<b>140.908.710.075</b>	<b>140.908.710.075</b>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thu/nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	164.502.961	-	164.502.961
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.766.155</b>	<b>164.502.961</b>	<b>-</b>	<b>174.269.116</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.640.813.494	5.640.813.494	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.197.157	949.112.825	695.402.749	404.907.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.231.905.318	483.334.007	3.715.239.325	-
Thuế nhà thầu	-	516.406.856	516.406.856	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.383.102.475</b>	<b>7.593.667.182</b>	<b>10.571.862.424</b>	<b>404.907.233</b>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lãi vay phải trả	1.653.227.593	1.619.405.038
Chi phí phải trả khác (*)	4.120.928.254	7.166.678.316
	<b>5.774.155.847</b>	<b>8.786.083.354</b>

(\*) Chi phí phải trả khác chủ yếu bao gồm chi phí bồi thường tổn thất va chạm tàu, chi phí hoa tiêu và cảng phí của đội tàu Công ty.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	5.770.386.342	5.654.596.903
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	1.049.017.068	573.890.004
Kinh phí công đoàn	420.360.141	127.158.943
Nhận ký quỹ từ Cambrian Bulk Limited (*)	6.146.899.090	-
Phải trả khác (**)	4.170.670.371	2.445.101.111
<b>b. Bên liên quan</b>		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	1.014.750.000
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (Lô 01/97& 02/97) - Công ty TNHH	-	805.350.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	296.972.932
Công ty TNHH MTV điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước- Lô 05.1a	-	1.257.025.000
Tổng Công Ty thăm dò khai thác Dầu Khí - Công ty TNHH	-	793.450.000
	<b>17.557.333.012</b>	<b>12.968.294.893</b>

(\*) Đây là khoản tiền 269.969 Đô la Mỹ mà Cambrian Bulk Limited ký quỹ để thuê tàu từ Công ty theo phụ lục hợp đồng ký ngày 30 tháng 5 năm 2022.

(\*\*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt ...

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	13.704.803.012	29.316.220.006
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	45.891.106.630	45.274.702.990
	<b>59.595.909.642</b>	<b>74.590.922.996</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/21/02/0199/HĐHM ký ngày 12 tháng 7 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo mỗi khoản vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như trình bày ở Thuyết minh số 6. Lãi suất vay áp dụng sẽ được ghi trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân.



20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)		
- Vay dài hạn	85.075.555.704	90.518.514.331
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.795.748.370	14.482.961.890
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (**)		
- Vay dài hạn	75.473.949.260	83.859.943.622
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.724	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (***)		
- Vay dài hạn	89.521.153.008	94.633.419.966
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.323.369.536	14.019.752.376
	<b>295.961.764.602</b>	<b>314.286.580.909</b>

(\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HDTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,5%/năm.

(\*\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(\*\*\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTĐ-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,2%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	45.891.106.630	45.274.702.990
Trong năm thứ hai	45.891.106.630	45.274.702.990
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	137.673.319.890	135.824.108.970
Sau năm năm	66.506.231.452	87.913.065.959
	<b>295.961.764.602</b>	<b>314.286.580.909</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(45.891.106.630)	(45.274.702.990)
	<b>250.070.657.972</b>	<b>269.011.877.919</b>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	31.109.986	311.099.860.000	31.109.986	311.099.860.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	31.109.986	311.099.860.000	31.109.986	311.099.860.000

- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	<b>31.109.986</b>	<b>31.109.986</b>
+ Cổ phần phổ thông	25.109.986	25.109.986
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000	6.000.000
<b>- Số lượng cổ phần đang lưu hành</b>	<b>31.109.986</b>	<b>31.109.986</b>
+ Cổ phần phổ thông	25.109.986	25.109.986
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000	6.000.000

Công ty đã phát hành 25.109.986 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

#### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>295.000.000.000</b>	<b>164.545.455</b>	<b>5.640.832.100</b>	<b>20.270.876.446</b>	<b>321.076.254.001</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.299.929.214	24.299.929.214
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	16.099.860.000	-	-	(16.099.860.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(855.222.852)	(855.222.852)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.565.668.556	(2.565.668.556)	-
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>311.099.860.000</b>	<b>104.545.455</b>	<b>8.206.500.656</b>	<b>24.750.054.252</b>	<b>344.160.960.363</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.891.107.394	25.891.107.394
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.943.994.337)	(1.943.994.337)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	1.943.994.337	(1.943.994.337)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>311.099.860.000</b>	<b>104.545.455</b>	<b>10.150.494.993</b>	<b>46.253.172.972</b>	<b>367.608.073.420</b>

(\*) Đây là số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ đầu tư, phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Chi tiết các cổ đông sở hữu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	161.373.610.000	51,87%	161.373.610.000	51,87%
Công ty TNHH Tân Long	80.400.000.000	25,84%	80.400.000.000	25,84%
Các cổ đông khác có tỷ lệ sở hữu dưới 5%	69.326.250.000	22,28%	69.326.250.000	22,28%
	<b>311.099.860.000</b>	<b>100%</b>	<b>311.099.860.000</b>	<b>100%</b>



**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	603.434	223.923
Euro ("EUR")	1.302	1.308

**Cam kết thuê hoạt động**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	46.083.967.667	23.443.769.616

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	106.549.948.700	50.923.026.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	434.226.175.300	182.295.940.900
Từ năm thứ năm trở đi	116.507.162.800	-
	<b>657.283.286.800</b>	<b>233.218.967.400</b>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 3 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và được gia hạn tiếp trong vòng 03 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong kỳ;
- Thuê tàu PVT Saturn từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2029 theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017, thuê tàu PVT Diamond từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 26 tháng 4 năm 2028 theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí cho giai đoạn từ 22 tháng 3 năm 2022 đến ngày 22 tháng 3 năm 2028.

**Cam kết vốn**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt kế hoạch hoàn thành phương án tăng vốn từ phát hành thêm cổ phiếu từ 311.100.000.000 đồng lên 511.100.000.000 đồng để bổ sung nguồn vốn đầu tư thêm tàu nhằm mở rộng và trẻ hóa đội tàu, tăng năng lực vận tải và sức cạnh tranh trên thị trường trong năm 2022. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình chuẩn bị triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn và đầu tư này.

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng đội tàu chính đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế. Ngoài ra, Công ty cũng thuê dịch vụ của một số đơn vị vận tải đường thủy và đường bộ trong nước để cung cấp dịch vụ vận chuyển nội địa không liên quan đến khai thác đội tàu chính trong kỳ.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v.

AV  
 CS  
 1883  
 SV  
 002  
 ANH  
 TINI  
 AN  
 TT  
 AN  
 CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

Số cuối kỳ	Dịch vụ vận chuyển		Thương mại		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	601.888.194.667	8.617.169.537	57.656.577	11.011.751.057	621.574.771.838					
Tài sản không phân bổ					178.756.117.436					
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>800.330.889.274</b>					
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	402.552.526.007	14.254.582.865	2.049.234.889	9.509.008.624	428.365.352.385					
Nợ phải trả không phân bổ					4.357.463.469					
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>432.722.815.854</b>					

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

Kỳ này	Dịch vụ vận chuyển		Thương mại		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu										
Doanh thu thuần	383.364.787.832	9.604.901.214	180.003.055	27.062.482.887	420.212.174.988					
Tổng doanh thu	383.364.787.832	9.604.901.214	180.003.055	27.062.482.887	420.212.174.988					
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	52.774.239.711	11.522.053	(9.810.017)	3.261.897.350	56.037.849.097					
Chi phí không phân bổ					(29.550.750.893)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					26.487.098.204					
Doanh thu hoạt động tài chính					5.527.291.895					
Lợi nhuận khác					13.055.821.053					
Chi phí tài chính					(12.689.828.260)					
Lợi nhuận trước thuế					32.380.382.892					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(483.334.007)					
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại					(6.005.941.491)					
Lợi nhuận trong kỳ					<b>25.891.107.394</b>					



✍️



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Số đầu kỳ	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	640.439.744.856	77.036.618.110	241.900.082	5.832.136.001	723.550.399.049
Tài sản không phân bổ					151.935.885.390
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>875.486.284.439</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	437.921.286.544	77.304.311.550	5.457.968.344	6.007.266.838	526.690.833.276
Nợ phải trả không phân bổ					4.634.490.800
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>531.325.324.076</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>					
<b>Kỳ trước</b>	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần	250.833.152.863	109.587.884.377	214.556.057	14.880.571.549	375.516.164.846
Tổng doanh thu	250.833.152.863	109.587.884.377	214.556.057	14.880.571.549	375.516.164.846
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	19.267.081.510	(320.219.819)	59.762.597	1.284.723.888	20.291.348.176
Chi phí không phân bổ					(17.253.975.551)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3.037.372.625
Doanh thu hoạt động tài chính					5.131.522.796
Lợi nhuận khác					841.076.768
Chi phí tài chính					(9.253.678.062)
Lợi nhuận trước thuế					(243.705.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.505.477.743)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại					2.551.045.332
Lợi nhuận trong kỳ					(198.138.284)



*(Handwritten mark)*

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, Công ty có các hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ vận tải được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và Quốc tế. Ngoài ra đối với hoạt động khai thác chính liên quan đến đội tàu, Công ty có cung cấp các dịch vụ vận tải quốc tế thông qua hợp đồng cho thuê tàu định hạn chạy ở các khu vực địa lý khác nhau và không cố định, toàn bộ kết quả kinh doanh được ghi nhận tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực địa lý. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thương mại	9.604.901.214	109.587.884.377
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	383.364.787.832	250.833.152.863
Doanh thu đại lý tàu biển	180.003.055	214.556.057
Doanh thu hoạt động khác	27.062.482.887	14.880.571.549
	<b>420.212.174.988</b>	<b>375.516.164.846</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn thương mại	9.593.379.161	109.908.104.196
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	330.590.548.121	231.566.071.353
Giá vốn đại lý tàu biển	189.813.072	154.793.460
Giá vốn hoạt động khác	23.800.585.537	13.595.847.661
	<b>364.174.325.891</b>	<b>355.224.816.670</b>

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.944.516.838	48.532.344.006
Chi phí nhân công	57.391.306.427	37.498.743.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.971.040.665	46.283.707.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.836.388.586	112.853.529.514
Chi phí dự phòng	4.850.610.867	-
Chi phí khác bằng tiền	24.137.834.240	17.402.363.438
	<b>384.131.697.623</b>	<b>262.570.688.025</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	2.013.988.091	800.217.404
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.513.303.804	4.331.305.392
	<b>5.527.291.895</b>	<b>5.131.522.796</b>



**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	7.417.263.956	7.263.152.847
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.272.564.304	1.990.525.215
	<b>12.689.828.260</b>	<b>9.253.678.062</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên	15.684.304.620	11.462.370.138
Chi phí mua ngoài	7.919.067.936	5.167.165.451
Chi phí dự phòng	4.850.610.867	-
Các khoản khác	1.096.767.470	624.439.962
	<b>29.550.750.893</b>	<b>17.253.975.551</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản cố định	12.493.008.349	-
Thu nhập từ bồi thường tàu	-	127.443.815
Thu nhập khác	562.812.976	723.638.979
	<b>13.055.821.325</b>	<b>851.082.794</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>32.380.382.892</b>	<b>(243.705.873)</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.939.927.160	14.702.887.766
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(115.505.400)	(1.931.793.179)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>37.204.804.652</b>	<b>12.527.388.714</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>37.204.804.652</b>	<b>12.527.388.714</b>
Thuế suất	20%	20%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(6.957.626.923)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>483.334.007</b>	<b>2.505.477.743</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
<b>Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.005.941.491	(2.551.045.332)
	<b>6.005.941.491</b>	<b>(2.551.045.332)</b>

ẤN T  
M  
GIST  
0493  
ĐƠN

12-C.T.T  
NH  
NHH  
N  
TE  
M  
CHÍ MINH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối (VND)	25.891.107.394	(198.138.284)
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Loại trừ quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	250.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	25.891.107.394	(448.138.284)
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	25.109.986	25.109.986
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.031</b>	<b>(18)</b>

(\*) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ 8% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích với số tiền là 500.000.000 đồng cho cả năm 2021 tương ứng với 250.000.000 đồng cho 6 tháng đầu năm 2021.

Trong năm công ty không có Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2021 và số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong kỳ. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	250.000.000	250.000.000
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.122.399.950	(5.320.538.234)	(198.138.284)
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>204</b>	<b>(222)</b>	<b>(18)</b>

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội  
 Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương  
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam  
 Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí  
 Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Duyên hải  
 Công ty TNHH Tân Long

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Cùng Công ty mẹ  
 Cùng Công ty mẹ  
 Cùng Công ty mẹ  
 Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Cổ đông lớn



Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	18.534.855.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	12.925.063.058	16.650.955.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	<u>13.480.950.249</u>	<u>14.880.571.549</u>
<b>Mua hàng hóa/dịch vụ trong kỳ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	40.764.499.938	50.692.801.633
Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Duyên hải	18.405.714	18.405.714
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	24.969.000	28.588.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	<u>196.800.000</u>	<u>326.137.839</u>
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn		
- <i>Gốc vay đã thanh toán</i>	-	20.857.788.745
- <i>Lãi vay đã trả</i>	-	<u>474.505.874</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương, thưởng	<u>1.439.965.719</u>	<u>1.523.337.566</u>

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ theo từng đối tượng cụ thể như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Hoàng Đức Chính	Chủ tịch	-	209.360.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch	315.400.500	90.660.000
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	27.000.000	12.000.000
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	385.356.789	316.946.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	27.000.000	12.000.000
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	27.000.000	12.000.000
Ông Phạm Huy Hiệp	Phó Giám đốc	-	317.304.336
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc	112.807.052	280.195.890
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	273.136.562	272.871.340
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	272.264.816	-
<b>Tổng cộng</b>		<u>1.439.965.719</u>	<u>1.523.337.566</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được trình bày trong các Thuyết minh số 7, 8, 9, 15 và 18.

17  
 193  
 1125  
 CHINH  
 ĐÔNG  
 KIỂM  
 ĐE  
 VIỆT  
 7-TP

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 1.653.227.593 đồng là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong kỳ chưa được thanh toán (kỳ trước: 1.561.116.016 đồng) và bao gồm số tiền 1.619.405.038 đồng là chi phí lãi vay phát sinh trong năm trước đã thanh toán trong kỳ này (kỳ trước: 1.975.636.347 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm số tiền 594.931.507 đồng là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa nhận được (kỳ trước: 202.191.781 đồng) và bao gồm số tiền 1.208.262.807 đồng là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận trong kỳ này (kỳ trước: 589.013.699 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo  
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2022







### Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,  
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,  
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84 24 7105 0000  
Fax: +84 24 6288 5678

### Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
57 - 69F Đồng Khởi, P. Bến Nghé,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 7101 4555  
Fax: +84 28 3910 0750

Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)  
Email: [deloittevietnam@deloitte.com](mailto:deloittevietnam@deloitte.com)

© 2022 Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam